

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày 25/10/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trần Hiếu

Bà Lâm Nhật Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST- KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST- KDTM ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: 35, A, Quận. H, TP. Hà Nội.

PGD T: 258, khu vực L, phường T, quận T, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vương M**, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: 017, khu vực P, phường T, quận T, TP. Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: KV. L, phường T, quận T, TP. Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị A** (Vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị B** (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: KV. L, phường T, quận T, TP. Cần Thơ.

3/ Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: 248/8, KV. L, phường T, quận T, TP. Cần Thơ.

4/ Bà **Nguyễn Thị D** (Vắng mặt)

Địa chỉ: KV. Thới A, phường T, quận T, TP. Cần Thơ.

5/ Bà **Nguyễn Thị E** (Vắng mặt)

Địa chỉ: San Diego, USA (Hoa Kỳ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong bản tự khai đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/01/2010 ông Nguyễn Phước H ký Hợp đồng tín dụng số 001/2010/HĐ để vay của Ngân hàng TMCP Đ – Phòng giao dịch quận T số tiền 900.000.000đồng, thời hạn 09 tháng, mục đích nuôi cá tra.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gồm:

1/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt CNQSDĐ) số L848589, số vào sổ 000260 do UBND huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 12/12/1998, tờ bản đồ số 01, thửa 397, 444, diện tích 2.217m² cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C.

2/ Giấy CNQSDĐ số AI956035, số vào sổ H02260 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 20/09/2007, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 779, diện tích 2.197m² cấp cho ông Nguyễn Văn C.

3/ Giấy CNQSDĐ số AH856285, số vào sổ H01743 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 03/04/2007, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1539, diện tích 999,7m² cấp cho ông Nguyễn Văn C.

4/ Giấy CNQSDĐ số AD288947, số vào sổ H00776 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1514, diện tích 968m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

5/ Giấy CNQSDĐ số AD288948, số vào sổ H00775 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1515, diện tích 1.450,2m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

6/ Giấy CNQSDĐ số AD288949, số vào sổ H00777 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 777, diện tích 1.002m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

Do ông Nguyễn Phước H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng hợp đồng và nợ đã quá hạn 06 năm nên Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Phước H phải trả nợ gốc 900.000.000đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 08/10/2019 lãi phát sinh là 1.387.680.000đồng (Trong đó lãi quá hạn là 380.000.000đồng).

Ngày 06/3/2014, Tòa án nhân dân quận T ban hành Quyết định Công nhận sự thỏa thuận số 13/2014/QĐST của các đương sự giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ với bị đơn Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh C. Sau đó, ông Nguyễn Văn C có đơn khiếu nại đề nghị hủy Quyết định số 13/2014/QĐST. Ngày 26/02/2015 Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Ủy ban nhân dân Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định số 13/2014/QĐST. Ngày 31/3/2015, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 10/2015/DS-GĐT đề nghị hủy toàn bộ Quyết định số 13/2014/QĐST ngày 06/3/2014 của Tòa án nhân dân quận T với lý do Tòa án nhân dân quận T xác định Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B và Nguyễn Minh C là bị đơn là không đúng vì ông Nguyễn Phước H là người ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì ông Nguyễn Phước H mới là bị đơn, còn Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B và Nguyễn Minh C là người bảo lãnh nên chỉ tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngày 24/8/2016, Tòa án nhân dân quận T thụ lý lại vụ án và xác định nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ, bị đơn là ông Nguyễn Phước H; người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B và Nguyễn Minh C. Ngày 24/5/2017, Tòa án nhân dân quận T chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án với lý do người đứng tên các tài sản thế chấp cho Ngân hàng là ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C chết nên đưa hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C là Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh C, Nguyễn Phước H, Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị E vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị E đang ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân quận T cho rằng vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngày 22/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý vụ án xác định tư cách nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ với bị đơn ông Nguyễn Phước H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị E. Sau đó, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài về việc thụ lý và thông tin hồ sơ đến bà Nguyễn Thị E.

Bị đơn ông Nguyễn Phước H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị E đã được Tòa án niêm yết hợp lệ 02 lần và ủy thác tư pháp ra nước ngoài đúng quy định nhưng các đương sự không có mặt và không có vắng bản ý kiến gửi Tòa án

Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành thẩm định tài sản tranh chấp vào thời điểm hòa giải, sau khi chuyển hồ sơ xét xử theo thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiếp tục kiểm tra lại hiện trạng nhà và đất lần 2 ngày 17/9/2019. Tài sản trên đất có căn nhà tại thửa 397, có diện tích 68,712m² hiện do Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh C đang sinh sống.

Do các đương sự không tham dự hòa giải vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục mà đưa vụ án ra xét xử, sau khi đã thực hiện việc niêm yết thông báo hòa giải, Quyết định đưa ra xét xử tại địa chỉ nơi bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú; cũng như làm các thủ tục ủy thác tư pháp đối với người đang định cư ở nước ngoài.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày: Yêu cầu bị đơn trả nợ với số tiền tính đến ngày 23/10/2019 gồm nợ gốc 900.000.000đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 08/10/2019 lãi phát sinh là 2.293.080.000đồng (Trong đó lãi quá hạn là 1.393.080.000đồng). Nếu bị đơn không thanh toán, đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Minh C trình bày: Ông có biết việc ông Nguyễn Phước H vay Ngân hàng nhưng ông và các anh chị em không đồng ý lấy tài sản của cha mẹ để trả nợ. Ông yêu cầu Ngân hàng giảm lãi và chỉ phát mãi phần tài sản ông Nguyễn Phước H được hưởng thừa kế, ông không yêu cầu giám định chữ ký của ông trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

Về thẩm quyền: Do có bà Nguyễn Thị E đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm

quyền.

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn để kéo dài quá hạn luật định do có đương sự ở nước ngoài cần phải ủy thác tư pháp cho đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phước H đã ký hợp đồng tín dụng, do ông Nguyễn Phước H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện theo Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi trong hạn, quá hạn của Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Khi tiến hành thi hành án thì Ngân hàng thực hiện theo án lệ số 11 là ưu tiên cho người có tài sản để họ được quyền ưu tiên mua khi họ có nhu cầu mua lại tài sản. Khi ông Nguyễn Phước H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị xử lý các tài sản đã thế chấp là có căn cứ. Còn việc, ông Nguyễn Minh H yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm lãi đối với điều kiện kinh doanh thua lỗ khó khăn thì trong quá trình thi hành án ông Nguyễn Phước H sẽ thương lượng với Ngân hàng, không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án.

Từ các cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng ông Nguyễn Phước H ký Hợp đồng tín dụng số 001/2010/HĐ để vay của Ngân hàng TMCP Đ - Phòng giao dịch quận T số tiền 900.000.000đồng, thời hạn 09 tháng, mục đích nuôi cá tra. Ông Hậu đảm bảo khoản vay bằng các tài sản thế chấp của bên thứ ba là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A và đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C. Ông Nguyễn Văn C chết ngày 03/08/2018, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn C có bà Nguyễn Thị E đang ở Hoa Kỳ nên vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và Tòa án thành phố Cần Thơ xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng:

[2] Trong 06 GCNQSDĐ mà ông Nguyễn Phước H thế chấp cho Ngân hàng bằng tài sản của bên thứ ba, có 01 Giấy CNQSDĐ số L848589 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C; 05 GCNQSDĐ gồm: GCNQSDĐ số AI956035 cấp cho ông Nguyễn Văn C, số AH856285 cấp cho ông Nguyễn Văn C, số AĐ288947, số AĐ288948 và số AĐ288949 cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A. Ngày 03/08/2018, ông Nguyễn Văn C chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn C và thành viên trong hộ gồm: bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Minh C và Nguyễn Phước H. Do đó, Tòa án đưa bà A, B, D, E và ông Nguyễn Minh C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Còn đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị V là người thuê

đất trước đây của gia đình ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A nhưng hiện tại ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị V không còn thuê nên không cần thiết phải đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Phước H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án niêm yết hợp lệ vào ngày 17/9/2019 để tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 10/10/2019 và ngày 10/10/2019 để tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 25/10/2019 nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ý kiến gửi Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị E đã được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và nhận được Công văn số 2750 ngày 27/8/2018 về việc đã tổng đạt được hồ sơ ủy thác liên quan đến vụ án cho bà Nguyễn Thị E nhưng bà E vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ý kiến gửi Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định tại khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung

Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Ngày 05/01/2010 ông Nguyễn Phước H ký Hợp đồng tín dụng số 001/2010/HĐ để vay của Ngân hàng TMCP Đ – Phòng giao dịch quận T số tiền 900.000.000đồng, thời hạn 09 tháng, mục đích nuôi cá tra.

[6] Để bảo đảm khoản vay này ông Nguyễn Phước H đã thế chấp được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2009/HĐTC ngày 21/04/2009 và Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 22/04/2009 với các tài sản gồm:

[7] Giấy CNQSDĐ số L848589, số vào sổ 000260 do UBND huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 12/12/1998, tờ bản đồ số 01, thửa 397, 444, diện tích 2.217m² cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C,

[8] Giấy CNQSDĐ số AI956035, số vào sổ H02260 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 20/09/2007, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 779, diện tích 2.197m² cấp cho ông Nguyễn Văn C.

[9] Giấy CNQSDĐ số AH856285, số vào sổ H01743 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 03/04/2007, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1539, diện tích 999,7m² cấp cho ông Nguyễn Văn C.

[10] Giấy CNQSDĐ số AĐ288947, số vào sổ H00776 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1514, diện tích 968m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

[11] Giấy CNQSDĐ số AĐ288948, số vào sổ H00775 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1515, diện tích 1.450,2m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

[12] Giấy CNQSDĐ số AĐ288949, số vào sổ H00777 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 777, diện tích 1.002m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

[13] Hợp đồng tín dụng số 001/2010/HĐ ngày 05/01/2010 giữa nguyên đơn và bị đơn; Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số 001/2009/HĐTC ngày 21/04/2009 có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Phước H, Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị B nói trên được các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, đúng với quy định từ Điều 90 đến Điều 94 của Luật các tổ chức tín dụng về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, vì vậy các hợp đồng trên là hợp pháp. Còn tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Minh C cho rằng ông không nhớ là có ký xác nhận vào Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số 001/2009/HĐTC ngày 21/04/2009 nhưng ông không có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[14] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Phước H đã có vi phạm nghĩa vụ về thời hạn thanh toán lãi và tiền vốn, mặc dù phía Ngân hàng nhắc nhở nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do vậy, phía Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, lãi suất quá hạn theo hợp đồng và đề nghị phát mãi tài sản thế chấp khi vay nhằm bảo toàn nguồn vốn cho vay của tổ chức tín dụng là đúng quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[15] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày phía bị đơn đến nay còn nợ của nguyên đơn tính đến ngày 23/10/2019 gồm nợ gốc 900.000.000đồng và lãi tạm tính đến hết ngày 23/10/2019 lãi phát sinh là 2.293.080.000đồng (Trong đó lãi quá hạn là 1.393.080.000). Nếu bị đơn không thanh toán, đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[16] Mặc dù phía bị đơn và các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy vắng mặt, nhưng theo các tài liệu do nguyên đơn xuất trình về việc vay vốn theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như phân tích nêu trên là hợp lệ xem là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tiến hành thẩm định tài sản tranh chấp vào thời điểm hòa giải, sau khi chuyển hồ sơ xét xử theo thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiếp tục kiểm tra lại hiện trạng nhà và đất lần 2 ngày 17/9/2019. Tài sản trên đất có căn nhà tại thửa 397, có diện tích 68,712m² hiện do bà A, anh Nguyễn Minh C và chị B đang sinh sống nên được quyền ưu tiên mua theo tinh thần của án lệ số 11 ngày 25/10/2016 khi giải quyết Tòa án phải dành cho chủ sở hữu có nhà trên đất được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó nếu họ có nhu cầu.

[17] Còn về lời trình bày của ông Nguyễn Minh C cho rằng Ngân hàng nên giảm lãi cho gia đình ông với lý do trong quá trình làm ăn ông Phước H gặp khó khăn trong kinh doanh theo Quyết định số 540 ngày 16/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Xét thấy, theo tinh thần của Điều 3 của Quyết định số 540 ngày 16/04/2014 về việc khách hàng không có khả năng trả nợ do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh. Tuy nhiên, ông Phước H cũng như gia

đình ông Minh C không chứng minh được kinh doanh gặp khó khăn là do nguyên nhân trên, mà việc kinh doanh vào thời điểm vay vốn thua lỗ là do biến động việc cung cầu trên thị trường. Thêm vào đó, việc yêu cầu giảm lãi của ông Minh C, ông Minh C không có yêu cầu phản tố và việc yêu cầu giảm lãi không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cho rằng ông không được phép tự ý giảm lãi, việc giảm lãi khi ông Phước H và gia đình ông Phước H có thiện chí trả nợ và phải được thông qua Ủy ban tín dụng của Ngân hàng hợp và xét xét giải quyết. Do đó, việc giảm lãi này các đương sự sẽ thỏa thuận giải quyết ở giai đoạn thi hành án. Cho nên, đối với yêu cầu này của ông Minh C là không có cơ sở chấp nhận.

[18] Về chi phí thẩm định và định giá là 8.000.000đồng. Nguyên đơn đóng tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 8.000.000đồng.

[19] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] Về chi phí ủy thác ra nước ngoài: Bị đơn phải chịu chi phí ủy thác ra nước ngoài cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang ở Hoa Kỳ

[21] Căn cứ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 342, 715 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 37; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273, Điều 474; Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều từ Điều 90 đến Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phước H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền vay tính đến ngày 23/10/2019, tổng số tiền là 2.293.080.000đồng (Hai tỷ hai trăm chín mươi ba triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc 900.000.000đồng và nợ lãi phát sinh là 1.393.080.000đồng.

Phía bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết trên số tiền chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ, thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L848589, số vào sổ 000260 do UBND huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 12/12/1998, tờ bản đồ số 01, thửa 397, 444, diện tích 2.217m² cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C,

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI956035, số vào sổ H02260 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 20/09/2007, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 779, diện tích 2.197m² cấp cho ông Nguyễn Văn C.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH856285, số vào sổ H01743 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 03/04/2007, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1539, diện tích 999,7m² cấp cho ông Nguyễn Văn C.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ288947, số vào sổ H00776 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1514, diện tích 968m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ288948, số vào sổ H00775 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 1515, diện tích 1.450,2m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ288949, số vào sổ H00777 do UBND huyện T, TP. Cần Thơ cấp ngày 29/03/2006, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 777, diện tích 1.002m² cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị A.

Dành quyền ưu tiên mua cho bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Minh C được quyền ưu tiên mua tài sản là nhà và đất tại thửa 397 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L848589, số vào sổ 000260 do UBND huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 12/12/1998, tờ bản đồ số 01 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C khi bà A, B và Minh C có nhu cầu khi xử lý tài sản thế chấp.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu 77.861.600đồng (Bảy mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại 34.040.400đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 003104 ngày 23/08/2016 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3/ Về chi phí thẩm định và định giá là 8.000.000đồng. Nguyên đơn đóng tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 8.000.000đồng.

4/ Về chi phí ủy thác ra nước ngoài: Bị đơn phải chịu chi phí ủy thác ra nước ngoài cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang ở Hoa Kỳ là 95USD (Chín mươi lăm đô la Mỹ), nguyên đơn đã đóng tạm ứng. Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn 95USD (Chín mươi lăm đô la Mỹ).

Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bị đơn phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng). Nguyên đơn được nhận lại 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo biên lai thu số 0003212 ngày 18/04/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự ở Việt Nam vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hay được kể từ ngày bản án được tổng đạt hay niêm yết theo quy định của pháp luật. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn một thang kể từ bản án được tổng đạt hay niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Cục THADS TPCT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trang